

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1576** /UBND-KGVX

Quảng Ngãi, ngày **28** tháng 3 năm 2024

V/v thông báo dự kiến mức
vốn sự nghiệp thực hiện Chương
trình MTQG phát triển kinh tế -
xã hội vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi
năm 2025

Kính gửi:

- Ban Dân tộc tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư,
Lao động - Thương binh và Xã hội,
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Giáo dục và Đào tạo, Công Thương
Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế,
Thông tin và Truyền thông, Tư pháp;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- Tỉnh đoàn;
- UBND các huyện: Ba Tơ, Minh Long,
Sơn Hà, Sơn Tây, Trà Bồng, Bình Sơn,
Tư Nghĩa, Nghĩa Hành.

Thực hiện nội dung các Công văn số 2145/UBNDT-VPCTMTQG ngày 20/11/2023 và số 1733/BDT-VPCTMTQG ngày 29/9/2023 của Ủy ban Dân tộc về việc thông báo mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024, 2025.

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Công văn số 340/BDT-CSDT ngày 21/3/2024 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 947/STC-NS ngày 25/3/2024, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thông báo dự kiến phân bổ mức vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 là 360.588 triệu đồng (*Chi tiết có phụ lục kèm theo*).

Số liệu mức phân bổ vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương và mức đối ứng ngân sách tỉnh năm 2025 có thể thay đổi hoặc được điều chỉnh phụ thuộc vào nhu cầu thực tế, tổng vốn sự nghiệp hàng năm bố trí cho Chương trình

được cấp có thẩm quyền giao và phù hợp với Nghị quyết số 111/2024/NQ-QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình MTQG và các văn bản bổ sung, điều chỉnh khác.

2. Căn cứ dự kiến mức vốn nêu trên, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ để thực hiện được kịp thời và theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX.VHTin119.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Phiên

PHỤ LỤC

DỰ KIẾN MỨC VỐN SỰ NGHIỆP PHÂN BỐ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

Stt	Dự án/đơn vị	Dự kiến mức vốn sự nghiệp phân bổ năm 2025		
		Tổng vốn	Trong đó	
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh
TỔNG CỘNG		360.588	326.726	33.862
	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	20.432	18.574	1.858
1	Huyện Sơn Hà	2.246	2.042	204
2	Huyện Sơn Tây	3.699	3.363	336
3	Huyện Trà Bồng	5.646	5.133	513
4	Huyện Ba Tơ	7.068	6.425	643
5	Huyện Minh Long	1.558	1.416	142
6	Huyện Nghĩa Hành	215	195	20
	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	7.806	7.097	709
1	Huyện Sơn Hà	380	346	34
2	Huyện Sơn Tây	2.665	2.423	242
3	Huyện Trà Bồng	2.856	2.596	260
4	Huyện Ba Tơ	570	519	51
5	Huyện Minh Long	1.335	1.213	122
	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	198.765	180.433	18.332
I	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	134.719	121.848	12.871
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	15.778	13.720	2.058
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15.778	13.720	2.058
	Phân bổ cho các huyện theo tiêu chí	118.941	108.128	10.813
1	Huyện Sơn Hà	7.462	6.784	678
2	Huyện Sơn Tây	17.376	15.797	1.579
3	Huyện Trà Bồng	42.862	38.965	3.897
4	Huyện Ba Tơ	47.215	42.922	4.293
5	Huyện Minh Long	4.026	3.660	366
II	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	64.046	58.585	5.461

Stt	Dự án/đơn vị	Dự kiến mức vốn sự nghiệp phân bổ năm 2025		
		Tổng vốn	Trong đó	
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh
	* Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý	6.443	5.858	585
1	Huyện Trà Bồng	6.443	5.858	585
	* Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư	57.603	52.727	4.876
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	6.730	5.855	875
1	Sở Công Thương	1.346	1.171	175
2	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	1.346	1.171	175
3	Tỉnh đoàn	1.346	1.171	175
4	Hội Nông dân tỉnh	1.346	1.171	175
	Phân bổ cho các huyện theo tiêu chí	50.873	46.872	4.001
1	Huyện Sơn Hà	10.631	9.665	966
2	Huyện Sơn Tây	9.089	8.263	826
3	Huyện Trà Bồng	13.019	12.457	562
4	Huyện Ba Tơ	14.990	13.628	1.362
5	Huyện Minh Long	2.843	2.585	258
6	Huyện Nghĩa Hành	301	274	27
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	20.210	18.376	1.834
	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN	20.210	18.376	1.834
1	Huyện Sơn Hà	4.088	3.717	371
2	Huyện Sơn Tây	3.418	3.108	310
3	Huyện Trà Bồng	5.085	4.623	462
4	Huyện Ba Tơ	6.113	5.558	555
5	Huyện Minh Long	1.372	1.248	124
6	Huyện Nghĩa Hành	134	122	12
	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	70.473	63.569	6.904
I	Tiểu Dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ	7.382	6.652	730
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	1.530	1.330	200
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.530	1.330	200
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	5.852	5.322	530

Stt	Dự án/đơn vị	Dự kiến mức vốn sự nghiệp phân bổ năm 2025		
		Tổng vốn	Trong đó	
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh
1	Huyện Sơn Tây	1.329	1.209	120
2	Huyện Trà Bồng	3.473	3.157	316
3	Huyện Ba Tơ	514	468	46
4	Huyện Minh Long	536	488	48
II	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực	10.280	9.139	1.141
	* Nội dung 1: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	5.254	4.569	685
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	5.254	4.569	685
1	Ban Dân tộc tỉnh	5.254	4.569	685
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	-	-	-
	* Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học	5.026	4.570	456
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	-	-	-
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	5.026	4.570	456
1	Huyện Sơn Hà	728	662	66
2	Huyện Sơn Tây	550	500	50
3	Huyện Trà Bồng	1.232	1.120	112
4	Huyện Ba Tơ	1.629	1.481	148
5	Huyện Minh Long	887	807	80
III	Tiểu dự án 3: phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm	37.828	34.237	3.591
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	3.936	3.423	513
1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	3.936	3.423	513
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	33.892	30.814	3.078
1	Huyện Sơn Hà	12.029	10.936	1.093
2	Huyện Sơn Tây	1.202	1.093	109
3	Huyện Trà Bồng	15.067	13.698	1.369
4	Huyện Ba Tơ	3.969	3.609	360
5	Huyện Minh Long	1.202	1.093	109
6	Huyện Nghĩa Hành	423	385	38
IV	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	14.983	13.541	1.442
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	2.024	1.760	264
1	Ban Dân tộc tỉnh	2.024	1.760	264
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	12.959	11.781	1.178
1	Huyện Sơn Hà	2.735	2.486	249

Stt	Dự án/đơn vị	Dự kiến mức vốn sự nghiệp phân bổ năm 2025		
		Tổng vốn	Trong đó	
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh
2	Huyện Sơn Tây	2.217	2.015	202
3	Huyện Trà Bồng	3.204	2.913	291
4	Huyện Ba Tơ	4.015	3.650	365
5	Huyện Minh Long	740	673	67
6	Huyện Nghĩa Hành	48	44	4
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	1.880	1.683	197
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	715	622	93
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	715	622	93
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	1.165	1.061	104
1	Huyện Sơn Hà	364	331	33
2	Huyện Sơn Tây	224	204	20
3	Huyện Trà Bồng	110	100	10
4	Huyện Ba Tơ	326	297	29
5	Huyện Minh Long	139	127	12
	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	10.308	9.329	979
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	1.071	932	139
1	Sở Y tế	1.071	932	139
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	9.237	8.397	840
1	Huyện Sơn Hà	2.024	1.840	184
2	Huyện Sơn Tây	1.530	1.391	139
3	Huyện Trà Bồng	2.211	2.010	201
4	Huyện Ba Tơ	2.755	2.505	250
5	Huyện Minh Long	615	559	56
6	Huyện Bình Sơn	51	46	5
7	Huyện Tư Nghĩa	51	46	5
	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	11.722	10.562	1.160
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	2.429	2.112	317
1	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	2.429	2.112	317
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	9.293	8.450	843
1	Huyện Sơn Hà	1.955	1.778	177
2	Huyện Sơn Tây	1.572	1.429	143
3	Huyện Trà Bồng	2.270	2.064	206
4	Huyện Ba Tơ	2.902	2.639	263

Stt	Dự án/đơn vị	Dự kiến mức vốn sự nghiệp phân bổ năm 2025		
		Tổng vốn	Trong đó	
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh
5	Huyện Minh Long	523	476	47
6	Huyện Nghĩa Hành	71	64	7
	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	5.474	4.956	518
I	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	-	-	-
II	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	5.474	4.956	518
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	569	495	74
	Ban Dân tộc tỉnh	569	495	74
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	4.905	4.461	444
1	Huyện Sơn Hà	636	579	57
2	Huyện Sơn Tây	848	770	78
3	Huyện Trà Bồng	550	500	50
4	Huyện Ba Tơ	814	740	74
5	Huyện Minh Long	709	645	64
6	Huyện Bình Sơn	302	275	27
7	Huyện Tư Nghĩa	438	399	39
8	Huyện Nghĩa Hành	608	553	55
	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	13.518	12.147	1.371
I	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	9.236	8.325	911
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	1.913	1.664	249
1	Ban Dân tộc tỉnh	1.435	1.248	187
2	Sở Tư pháp	478	416	62
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	7.323	6.661	662
1	Huyện Sơn Hà	1.874	1.704	170
2	Huyện Sơn Tây	963	876	87
3	Huyện Trà Bồng	1.558	1.417	141
4	Huyện Ba Tơ	2.092	1.902	190
5	Huyện Minh Long	599	545	54
6	Huyện Bình Sơn	73	67	6
7	Huyện Tư Nghĩa	107	98	9

Stt	Dự án/đơn vị	Dự kiến mức vốn sự nghiệp phân bổ năm 2025		
		Tổng vốn	Trong đó	
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh
8	Huyện Nghĩa Hành	57	52	5
II	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	-	-	-
III	Tiểu Dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	4.282	3.822	460
	Phân bổ cho các sở, ban ngành hội đoàn thể (theo tỷ lệ %)	1.612	1.395	217
1	Ban Dân tộc tỉnh	220	191	29
2	Sở NN&PTNT	132	114	18
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	132	114	18
4	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	132	114	18
5	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	132	114	18
6	Sở Y tế	132	114	18
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư,	132	114	18
8	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	132	114	18
9	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	175	152	23
10	Sở Tài chính	29	26	3
11	Sở Tư pháp	88	76	12
12	Sở Thông tin và Truyền thông	88	76	12
13	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	88	76	12
	Phân bổ cho các huyện (theo tiêu chí)	2.670	2.427	243
1	Huyện Sơn Hà	582	529	53
2	Huyện Sơn Tây	451	410	41
3	Huyện Trà Bồng	652	593	59
4	Huyện Ba Tơ	792	720	72
5	Huyện Minh Long	171	155	16
6	Huyện Bình Sơn	11	10	1
7	Huyện Tư Nghĩa	11	10	1